

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

- Tên dự toán: Mua sắm vật tư, nguyên vật liệu thực hiện sản xuất ấn phẩm trắng phục vụ công tác quản lý xuất nhập cảnh năm 2025;
- Tên gói thầu: Mua sắm hóa chất, vật tư chế bản in;
- Nguồn vốn: Từ nguồn vốn của Trung tâm Kỹ thuật tài liệu nghiệp vụ;
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 60 ngày;
- Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày.
- Địa điểm thực hiện: Trung tâm Kỹ thuật tài liệu nghiệp vụ, địa chỉ: số 145 đường Chiến Thắng, Thanh Liệt, Hà Nội.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

a. Yêu cầu chung:

- Chất lượng: Hàng mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau;
- Bản cam kết chất lượng và xuất xứ của hàng hoá khi giao hàng;
- Quy cách đóng gói: Đóng gói theo quy định của nhà sản xuất.

b. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:

- Thông số kỹ thuật của hàng hóa phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn sau đây:

Stt	Danh mục	Thông số kỹ thuật
1	Bản kẽm in (Kích thước: 750mm x 605mm x 0,3mm)	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Nhôm (độ tinh khiết > 90%), có phủ lớp màng cảm quang - Kích thước: 750 x 605 x 0,3 (mm) - Độ nhạy quang phổ: 800 – 850 (nm) - Độ phân giải: 3% - 97% - Năng lượng ghi bản từ: 110 – 130 (mJ/cm²).
2	Bản kẽm in (Kích thước 460mm x 520mm x 0,15mm)	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Nhôm (độ tinh khiết > 90%), có phủ lớp màng cảm quang - Kích thước: 460mm x 520mm x 0,15mm (mm) - Độ nhạy quang phổ: 800 – 850 (nm) - Độ phân giải: 3% - 97% - Năng lượng ghi bản từ: 110 – 130 (mJ/cm²).
3	Dung dịch hiện bản	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng để hiện bản in - Phù hợp với nhiều loại bản in - Nhiệt độ hoạt động: 22°C - 25°C - Thời gian hiện bản in: 12 – 40 (giây) - Dạng lỏng, không màu, ít bay hơi, ít tạo kết tủa.

4	Dung dịch sữa rửa bản	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng để làm sạch bản in - Không ăn mòn bản in - Trạng thái vật lý: dạng lỏng - Màu sắc: trắng sữa - Điểm sôi: > 100°C - Độ nhớt: 3.000 – 4.000 (cps) ở 25°C
5	Thuốc tím bản.	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng để loại bỏ những hình ảnh không cần thiết trên bề mặt bản in - Không bị loang trên bề mặt bản in - Không có mùi - Dạng paste, tan trong nước - Khối lượng: Lọ 100g
6	Dung môi rửa lô in	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng để làm sạch mực in UV trên hệ thống lô chà mực in, cao su in Offset và ống sắt ép in - Hạn chế ăn mòn - Điểm cháy > 80°C - Bảo vệ bề mặt lô và cao su in. - Tốc độ bay hơi chậm.
7	Nước cất 2 lần	<ul style="list-style-type: none"> - Độ PH: 6,00 - 8,00 - Độ dẫn điện: $\leq 1 \mu\text{S/cm}$ - Điện trở kháng: $\geq 1 \text{ Mohm.cm}$ - TOC: $\leq 50 \mu\text{g/L}$ - Sodium: $\leq 5 \mu\text{g/L}$ - Chloride: $\leq 5 \mu\text{g/L}$ - Total silica: $\leq 3 \mu\text{g/L}$ - Bacteria content: $\leq 3 \text{ CFU/mLx}$
8	Cồn công nghiệp IPA	<ul style="list-style-type: none"> - CAS: 67-63-0 - Độ tinh khiết: $\geq 99\%$ - Dạng lỏng, không màu, trong suốt, tan vô hạn trong nước - Tỷ trọng: $0,786 \text{ g/cm}^3$ - Điểm sôi: 82°C - 83°C - Nhiệt độ nóng chảy: - 89°C
9	Dung dịch làm ẩm	<ul style="list-style-type: none"> - Ổn định PH: 5-5,5 - Sử dụng với tất cả các loại máy in offset tờ rời. - Phù hợp với cả nước cứng và nước mềm - Tương thích với chất liệu cao su được sử dụng cho lô ẩm - Tỷ trọng 1,11 g/ml - Độ dẫn điện tăng lên so với % đầu vào: $465 \mu\text{S/cm}$

10	8- Hydroquinoline	<ul style="list-style-type: none"> - CAS: 148-24-3 - Độ tinh khiết: $\geq 99\%$ - Tỷ trọng: (20°C): 1,034 g/cm³ - Điểm nóng chảy: 72,5°C - 74,0°C.
11	Cồn tuyệt đối	<ul style="list-style-type: none"> - CAS: 64-17-5 - Độ tinh khiết: $\geq 99,5\%$ - Không màu, trong suốt, tan vô hạn trong nước - Tỷ trọng: (ở 20°C): 0,79 g/cm³ - Nhiệt độ sôi (ở 1013 hPa): 78,3°C - Hàm lượng nước: $\leq 0,2\%$ - Hàm lượng methanol: $\leq 0,1\%$ - Hàm lượng 2-propanol: $\leq 0,01\%$
12	Cồn công nghiệp 96%	<ul style="list-style-type: none"> - CAS: 64-17-5 - Độ tinh khiết: $\geq 96\%$ - Không màu, trong suốt, tan vô hạn trong nước - Tỷ trọng: (ở 20°C): 0,8 – 0,807 (g/cm³) - Cận không bay hơi: $\leq 0,001\%$
13	MgCl ₂ .6H ₂ O	<ul style="list-style-type: none"> -- CAS: 7791-18-6 - Độ tinh khiết: $\geq 98\%$ - Trạng thái: Rắn, màu trắng - Điểm nóng chảy: 116°C - 117°C - Khối lượng riêng: 1,53 - 1,57 (g/cm³)
14	NH ₄ Cl	<ul style="list-style-type: none"> - CAS: 12125-02-9 - Độ tinh khiết: $\geq 99,5\%$ - Trạng thái: Rắn (Bột kết tinh), màu trắng - PH (50g/l, 25°C): 4,5-5,5 - Khối lượng riêng: 1,52 - 1,53 (g/cm³)
15	Ttah (2-Thenoyltrifluoroacetone)	<ul style="list-style-type: none"> - CAS: 326-91-0 - Độ tinh khiết: $\geq 99\%$ - mp: 40 - 44°C (lit.) - bp: 90 - 96°C/8 mmHg (lit.)
16	Metanol	<ul style="list-style-type: none"> - CAS: 67-56-1 - Độ tinh khiết: $\geq 99,9\%$ - Khối lượng riêng (20°C): 0,792 g/cm³ - Điểm sôi: 64°C - 65°C
17	Na ₂ CO ₃	<ul style="list-style-type: none"> - CAS: 497-19-8 - Độ tinh khiết: $\geq 99,6\%$ - Khối lượng riêng (20°C): 2,52 – 2,53 (g/cm³)

18	Nước cất 1 lần	<ul style="list-style-type: none"> - Độ PH: 6,00 – 8,00 - Độ dẫn điện: $\leq 4 \mu\text{S/cm}$ - Điện trở kháng: $\geq 0,25 \text{ Mohm.cm}$
19	Pigment laser hồng ngoại	<ul style="list-style-type: none"> - Dạng bột màu trắng hoặc trắng hồng - Lượng ẩm: $\leq 0,1 \%$ - Kích thước hạt trung bình: $\leq 6 \mu\text{m}$ - Chiều ánh sáng laser bước sóng 980nm: Phát sáng màu xanh lá cây. - Mật độ tương đối: 2,07
20	$\text{Al}(\text{NO}_3)_3 \cdot 9\text{H}_2\text{O}$	<ul style="list-style-type: none"> - CAS: 7784-27-2 - Trạng thái vật lý: Dạng bột, màu trắng - Hàm lượng: $\geq 98\%$ - Độ tan trong nước: 41,9 g/L ở 20°C - Điểm nóng chảy: 73°C - PH: 2,5 - 3,5 (20°C, 50 g/L trong nước H_2O) - Hàm lượng tạp chất: $\leq 0,005\%$ - Hàm lượng kim loại nặng: $\leq 10 \text{ mg/kg}$
21	Pigment Red 177	<ul style="list-style-type: none"> - CAS: 4051-63-2 - Trọng lượng riêng: 1,7 - 1,9 g/cm^3(20°C) - Hấp thụ dầu: 160 ml /100g - PH: 7,0 - 8,0 - Năng lượng đánh lửa tối thiểu: $> 1 \text{ kJ}$
22	Pigment hồng cánh sen phát quang	<ul style="list-style-type: none"> - Dạng: Bột - Màu sắc: màu hồng nhạt, dưới đèn UV 365nm: phát quang màu đỏ
23	$\text{EuCl}_3 \cdot 6\text{H}_2\text{O}$	<ul style="list-style-type: none"> - CAS: 13759-92-7 - Công thức phân tử: $\text{EuCl}_3 \cdot 6\text{H}_2\text{O}$ - Khối lượng phân tử: 366.41 - Độ tinh khiết: $\geq 99.9\%$ - Khối lượng riêng (ở 25 °C): 4.89 g/mL
24	1.10 Phenalthroline	<ul style="list-style-type: none"> - CAS: 66-71-7 - Công thức phân tử: $\text{C}_{12}\text{H}_8\text{N}_2$ - Khối lượng phân tử: 180.21 - Độ tinh khiết: $\geq 99\%$
25	Dầu lạnh	Chiết suất từ hạt lạnh nguyên chất
26	Bột đá Morohoshi spray powder	<ul style="list-style-type: none"> - Dạng bột, màu trắng - Thành phần: Moisture (13%); carbohydrate (85%); Ashcontent (2,66%)

27	Cao su in Offset (Kích thước: 772mm x 700mm x 1,96mm)	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: 772 x 700 x 1,96 (mm) - Cao su in có nẹp hợp kim - Độ nhám: 0,7 – 1,0 μm - Độ cứng: 70° Shore A - Độ bền kéo: > 3500N/50mm - Độ giãn tại 500N/50mm < 2% - Lực căng: < 2% - Phù hợp với máy in Heidelberg XL 75
----	---	--

1.3. Các yêu cầu khác

- Bên Bán phải có văn bản thông báo cho bên Mua thời gian dự kiến giao hàng trước thời điểm dự kiến bàn giao tối thiểu 01 ngày.

- Yêu cầu về bảo hành:

+ Thời hạn bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ khi bàn giao, nghiệm thu hàng hóa.

+ Phương thức bảo hành: Bên Bán chịu toàn bộ các chi phí cho việc đổi mới, khắc phục hư hỏng, khuyết tật do lỗi của nhà sản xuất hoặc bên bán trong thời gian bảo hành. Thời gian thực hiện tối đa 5 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của chủ đầu tư.

+ Địa điểm bảo hành: tại Trung tâm Kỹ thuật tài liệu nghiệp vụ, số 145 Đường Chiến Thắng, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội.

Mục 2. Bản vẽ

Không có

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các bước kiểm tra, nghiệm thu hàng hóa gồm:

- Bước 1: Kiểm tra xuất xứ, ký mã hiệu, năm sản xuất, quy cách đóng gói, và kiểm đếm số lượng hàng hóa;

- Bước 2: Đối chiếu thông số kỹ thuật chi tiết của hàng hóa trên tem nhãn hoặc catalogue của hàng hóa với nội dung thông số kỹ thuật của hàng hóa trong Hợp đồng.

- Bước 3: Nếu hàng hóa đạt yêu cầu đúng theo hợp đồng quy định thì bên Mua làm các thủ tục tiếp nhận hàng, nếu hàng hoá không đảm bảo theo quy định của hợp đồng bên Mua sẽ từ chối nhận hàng, toàn bộ chi phí có liên quan do bên Bán chịu.